what is a theme park?

A large park where people go to enjoy themselves, and where much of the entertainment is connected with one subject or idea – công viên giải trí theo nhóm chủ đề.

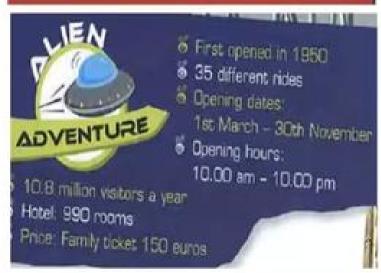


SPEAKING

Look at both Fantasma and Alien Adventure and circle the correct information.

- Fantasma is older / newer than Alien Adventure.
- 2 At Alien Adventure the opening hours are longer / shorter than at Fantasma.
- 3 Fantasma has a *bigger / smaller* hotel than Alien Adventure.
- 4 Alien Adventure is more / less expensive than Fantasma.
- 5 Alien Adventure has more / fewer visitors than Fantasma.
- 6 I think Alien Adventure is a better / worse theme park than Fantasma because it has more rides.





COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

Tính từ ngắn và tính từ dài:

Tính từ ngắn gồm:

- Tính từ có một âm tiết. Ví dụ: bad, short, good,....
- Tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng -y, -le,-ow, -er, -et.

Ví dụ: sweet, clever,...

Tính từ dài gồm:

Các tính từ có từ hai âm tiết trở lên (trừ một số trường hợp được xếp vào nhóm tính từ ngắn) được gọi là tính từ dài.

Ví du: beautiful, intelligent, expensive,...

COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

- Trong câu so sánh hơn, tính từ ngắn được thêm đuôi -er, theo sau bởi giới từ than. Trong so sánh hơn nhất, tính từ ngắn được thêm đuôi -est và phía trước có mạo từ the.

Eg., I'm taller than my younger sister.

She is the most beautiful girl in our class.

COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

- Với tính từ ngắn kết thúc bằng -y: Trong câu so sánh hơn ta bỏ -y thay bằng -ier, trong câu so sánh nhất ta bỏ -y thay bằng -iest.

Eg., You look happier than your husband. What's happen?

You are reading the funniest example in the world.

COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

- Với tính từ ngắn kết thúc bằng -e: Trong câu so sánh hơn: Thêm -r vào sau cùng, trong câu so sánh nhất, thêm -st vào sau cùng.
- Eg., Your crush looks nicer than your ex.

 My boyfriend is always the nicest on my heart.

COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

- Với tính từ ngắn có nguyên âm đứng trước phụ âm sau cùng: Trong câu so sánh hơn và so sánh nhất sẽ cần gấp đôi phụ âm và thêm theo quy tắc như thông thường.

Eg., My thumb is bigger than my pinky.

My house is the biggest in this town.

COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

- Với tính từ dài, trong câu so sánh hơn, phía trước tính từ dài có more và phía sau có than. Trong câu so sánh nhất phía trước tính từ dài cần thêm the most.

Eg., You are more beautiful than yesterday.

My brother is **the most intelligent** boy in my family.

COMPARATIVE and SUPER, ATIVE ADJECTIVES

Một số trường hợp ngoại lệ

	So sánh hơn	So sánh hơn nhất
good/well	better	best
bad/badly	worse	worst
little	less	least
many/much	more	most
far	further farther	furthest/farthest

COMPARATIVE and SUPERLATIVE

ADJECTIVES

- 1. Mom's watch is ... than mine. (expensive)
- 2. She lives in a really ... villa. (beautiful)
- 3. She is the ... tennis player of Australia. (good)
- 4. This luggage is ... than mine. (heavy)
- 5. He runs ... than his sister. (quick)
- Layla is ... than Henry but Sophia is the ... (tall/tall)
- 7. Kai reads ... books than Daniel but Tom reads the ... (many/many)
- 8. France is as ... as London. (beautiful)
- 9. My brother is three years ... than me. (young)
- This was the ... movie I have ever seen. (bad)
- 11. Cameroon can run ... than John. (fast)
- 12. Our team played ... of all. (bad)
- 13. He worked ... than ever before. (hard)

COMPARATIVE and SUPERLATIVE ADJECTIVES

Complete these sentences with either the omparative or the superlative form of the djective in brackets.	6 The (popular) ride was Inferno.
1 The park wasbusier (busy) on Saturday than on Sunday. 2 It's (expensive) for	7 The ride was (fast) in the park. 8 The theme park was
children to get into the park than it is for adults. 3 The ride I went on was (tall) in the park.	the one I usually go to. 9 Some theme parks are
4 My uncle is	10 The hotel I stayed in was (bad) in the area.
5 It was (sunny) on Tuesday than it was on Monday.	

READING and WRITING

In Part 3 of the KET Reading and Writing paper you are tested on everyday English. Look at the telephone conversations below and put them in the right order.

Conversation 1

- a OK. No problem. Bye.
- b Oh, hi, Lisa. It's Paula here. Is Serena in?
- c No, she's out shopping. Can I take a message
- d No, it's Lisa.
- e Bye.
- f Hi, is that Serena?
- g Just tell her I rang about going swimming tomorrow.
- h Hello? 1

Conversation 2

- a Bye.
- b Good morning. I'd like to book tickets for the film tonight, please.
- c Three that's for two adults and one child.
- d And your name?
- e Thanks very much. Bye.
- f Can you collect them by 7 o'clock?
- g That's fine. How many would you like?
- h It's Wilkinson, W-I-L-K-I-N-S-O-N.
- i Yes, no problem. Thank you.
- j Hello. Can I help you? 1
- Now listen to the recording to check your answers.

READING and WRITING

```
Answers
Conversation 1
The order is:
1 h 2 f 3 d 4 b 5 c 6 g 7 a 8 e

Conversation 2
The order is:
1 j 2 b 3 g 4 c 5 d 6 h 7 f 8 i 9 e 10 a
```